

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **218/2017/HSST**

Ngày: 25/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông/Bà: Nguyễn Xuân Tiền

Ông/Bà: Tạ Đức Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Hùng – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 214/2017/HSST ngày 02/8/2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN DUY T - sinh năm: 1994; HKTT: Tổ X phường T, Long Biên, Hà Nội; Chỗ ở: như trên; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: không; con ông: Nguyễn Văn P và bà: Nguyễn Thị T; TATS: Theo danh chỉ bản số 367 ngày 24/6/2017 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa phương cung cấp bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt)

Về bị hại:

Chị Bùi Thị Thu Th, sinh năm 1991

HKTT: Tổ X phường T, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Chỗ ở: Số A, phường L, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn M , sinh năm 1975

HKTT: Tổ X phường T, Long Biên, Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2017, Công an phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội nhận được đơn trình báo của chị Bùi Thị Thu Th, về việc khoảng 10h ngày 30/5/2017, chị phát hiện bị mất trộm tài sản trong két sắt gồm nhẫn, dây chuyền, lắc tay bằng vàng trị giá 120 triệu đồng. Chị có nghi ngờ cho Nguyễn Duy T đã trộm cắp số tài sản trên.

Quá trình điều tra đã xác định được:

Ngày 01/5/2017 do có công việc phải đi xa, chị Th có nhờ Nguyễn Duy T đến nhà chị ở số 54 Đàm Quang Trung, Long Biên để trông nhà hộ. Ngày 08/5/2017 khi một mình trông nhà cho chị Th, T đã phát hiện trong góc tường cạnh bàn làm việc có 01 két sắt hé mở, chìa khóa cắm ở ngoài. T mở két sắt thì thấy bên trong có:

- 01 nhẫn bằng vàng tây mặt đá ruby đỏ
- 02 nhẫn bằng vàng tây
- 01 dây chuyền bằng vàng tây
- 01 lắc tay nam bằng vàng tây và 03 giấy bảo đảm vàng.

Tất cả số trang sức trên đều được đựng trong túi ni lông.

Do nợ nần nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp số vàng trên. T cho tất cả số tài sản trên vào túi quần và đem đi bán cho anh Nguyễn Văn M – SN: 1975, HKTT: Tổ 13 phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội là chủ cửa hàng vàng bạc Minh Ngọc có địa chỉ tại số 25 phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội được 49.000.000 đồng. T dùng 30.000.000 đồng để trả nợ, còn 19.000.000 đồng T đã mua 01 chiếc điện thoại Iphone 6S tại cửa hàng Thế giới di động ở tổ 6 phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội. Sau khi bị phát hiện, T đã mang chiếc điện thoại này trả cho chị Th , chị Th đã giao nộp

cho cơ quan công an để giải quyết. Đối với số tài sản còn lại, Nguyễn Văn M đã bán toàn bộ số tài sản trên cho khách hàng không rõ tên, địa chỉ vì vậy cơ quan điều tra không thu hồi được tang vật.

Theo kết luận định giá số 65 ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Long Biên kết luận:

- 01 nhẫn bằng vàng tây mặt đá ruby đỏ (06 chỉ) trị giá 22.000.000 đồng
- 02 nhẫn bằng vàng tây (12 chỉ) trị giá 38.000.000 đồng
- 01 dây chuyền bằng vàng tây (05 chỉ) trị giá 19.600.000 đồng
- 01 lắc tay nam bằng vàng tây (12 chỉ) trị giá 40.600.000 đồng

Tổng giá trị tài sản: 120.200.000 đồng

Đối với Nguyễn Văn M khi mua số trang sức của T đều có giấy đảm bảo vàng, mặt khác T cũng không nói gì về nguồn gốc tài sản nên Minh không nhận thức nguồn gốc tài sản trên do T phạm tội mà có. Do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra quận Long Biên không xem xét, xử lý M về hình sự.

Người bị hại là chị T đồng ý và đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 6S trị giá 18.990.000 đồng và yêu cầu T phải bồi thường 101.210.000 đồng tương đương với trị giá số tài sản chị bị mất hiện chưa thu hồi được.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Chị Th giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 101.210.000 đồng. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Bản cáo trạng số: 218/CT- VKS ngày 27/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Nguyễn Duy T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 điều 138 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 điều 138; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 42 BLHS

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tang vật: Không

Về phần dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Bùi Thị Thu Th số tiền 101.210.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn M khi mua số trang sức của T đều có giấy đảm bảo vàng, mặt khác T cũng không nói gì về nguồn gốc tài sản nên Minh không nhận thức nguồn gốc tài sản trên do T phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan CSĐT- Công an Quận Long Biên không có căn cứ để xử lý.

Nói lời sau cùng, bị cáo biết là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: ngày 8/5/2017, tại số 54 Đàm Quang Trung – phường Long Biên – quận Long Biên – Hà Nội, lợi dụng chị Th không có nhà, không khóa két, Nguyễn Duy T đã lén lút lấy tài sản của chị Bùi Thị Thu Thủy gồm: 01 nhẫn bằng vàng tây mặt đá ruby đỏ, 02 nhẫn bằng vàng tây, 01 dây chuyền bằng vàng tây, 01 lắc tay nam bằng vàng tây, tổng trị giá 120.200.000 đồng. Sau khi lấy được các tài sản trên, bị cáo đã đem bán được 49.000.000 đồng tại tiệm vàng Minh Ngọc của anh Nguyễn Văn M .

Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy T có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2

điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án tù giam trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội. Vì vậy HĐXX quyết định cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo theo điểm p khoản 1 Điều 46 – BLHS.

Đại diện VKS đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

Về hình phạt bổ sung như phạt tiền: xét thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng.

Đại diện VKS đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

Về phần dân sự: Chị Bùi Thị Thu Th yêu cầu T phải bồi thường 101.210.000 đồng tương đương với trị giá số tài sản chị bị mất hiện chưa thu hồi được.

Xét yêu cầu trên của bị hại là phù hợp có căn cứ nên HĐXX chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Th là 101.210.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về dân sự phù hợp với nhận định của HĐXX.

Đối với anh Nguyễn Văn M là chủ cửa hàng vàng Minh Ngọc khi mua tài sản của T đều có giấy đảm bảo vàng và T không nói nguồn gốc tài sản nên anh Minh không biết là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 42 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải bồi thường cho chị Bùi Thị Thu Th số tiền 101.210.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 5.060.500 đồng án phí DSST

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Duy T và bị hại chị Bùi Thị Thu Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP HN;
- Công an Q.LB;
- Viện kiểm sát ND Q.LB;
- Thi hành án dân sự Q.LB;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai Hoa